

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Việt Nam học
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Việt Nam học (Du lịch)
Tên Tiếng Anh	: Vietnamese Studies
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: C220113

(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ – NTT, ngày 29.tháng 06.năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Kiến thức chung: Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Sinh viên của ngành Du lịch được trang bị những kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp, về các phương pháp lập kế hoạch kinh doanh, về tổ chức hoạt động kinh doanh và lập doanh nghiệp du lịch, đặc biệt là doanh nghiệp lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa, doanh nghiệp vận chuyển du lịch. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ thiết kế, điều hành chương trình du lịch trong nước và quốc tế, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ đại lý lữ hành.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ TOEIC350 về tiếng anh hoặc các chứng chỉ tương đương; đạt trình độ A về tin học ứng dụng, các kỹ năng mềm.

1.2. Kỹ năng

Có kỹ năng tham gia hướng dẫn du khách, kỹ năng chuyên môn và các năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết các vấn đề do thực tế đặt ra, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm...

1.3. Thái độ

Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có tác phong và thái độ phục vụ chuyên nghiệp, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong những nhiệm vụ được giao phó.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong sinh viên có thể làm việc trong các đơn vị kinh doanh thương mại dịch vụ du lịch, trong các doanh nghiệp lữ hành quốc tế, nội địa, các hãng vận chuyển khách du lịch, các công ty du lịch tàu biển, các công viên giải trí, các doanh nghiệp tổ chức sự kiện, các khu di tích danh thắng, làm hướng dẫn viên hoặc có thể làm việc trong các Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tại các địa phương, các Viện hoặc Học viện nghiên cứu về du lịch. Cũng sau khi học xong, nếu hội đủ những điều kiện theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên có thể tiếp tục học liên thông do Trường đại học Nguyễn Tất Thành và các trường đại học tuyển sinh.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 114 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm, với 9 kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, Quy định 388/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10)	: GIỎI.
B – (7.0 -> 8,4)	: KHÁ
C – (5,5 -> 6,9)	: TRUNG BÌNH
D – (4.0 -> 5,4)	: TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4.0)	: KÉM.
----------------	--------

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương ứng với 4.

B tương ứng với 3.

C tương ứng với 2.

D tương ứng với 1.

F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 32 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 8 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
5	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	
6	070021	Tiếng việt thực hành	2	30	0	
		Tổng	6	90	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	071485	Tâm lý học đại cương	2	30	0	
8	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
11	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
12	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	001760	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
		Tổng	2	0	60	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
14	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
15	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 82 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
16	070353	Quản trị học	3	45	0	
17	001208	Thực tập nhận thức tour	2	0	60	
18	001801	Tổng quan du lịch	3	45	0	
19	000091	Các dân tộc Việt Nam	3	45	0	000275(a)
20	000993	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	
21	001070	Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam	3	45	0	
22	072097	Lịch sử văn hóa Việt Nam	3	45	0	
23	000842	Kinh tế Việt Nam	2	30	0	
24	001303	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3	45	0	
		Tổng	24	330	60	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	000398	Địa lý du lịch Việt Nam	2	30	0	
26	072099	Tâm lý học quản lý	2	30	0	
27	072106	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 41 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 35 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

28	001049	Marketing du lịch	3	45	0	
29	001485	Tâm lý khách du lịch	2	30	0	
30	072098	Kỹ năng hoạt náo	2	15	30	
31	000024	Anh văn chuyên ngành 1	4	30	60	
32	001609	Thiết kế và điều hành tour	3	45	0	
33	001842	Tuyển điểm du lịch	4	60	0	
34	001843	Thực tập tuyển điểm du lịch	3	0	90	
35	000025	Anh văn chuyên ngành 2	4	30	60	000024(a)
36	001003	Luật du lịch	2	30	0	
37	001134	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	45	0	
38	001135	Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	0	90	
39	001958	Y tế - Bảo hiểm trong du lịch	2	15	30	
		Tổng	35	345	360	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
40	000544	Du lịch sinh thái	2	30	0	
41	001139	Nghiệp vụ lễ tân	2	30	0	
42	001406	Quầy rượu và dịch vụ đồ uống	2	30	0	
43	001768	Quản trị sự kiện – Hội nghị	2	30	0	
44	001850	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	30	0	
45	072102	Văn hóa giao tiếp	2	30	0	

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 13 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
46	072100	Thực tập cuối khóa	3	0	90	
47	072101	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
48	072104	Khóa luận tốt nghiệp	5	0	150	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
49	072103	Đạo đức nghề nghiệp	2	30	0	
50	072105	Quảng bá thương hiệu du lịch	3	45	0	
		Tổng	5	0	150	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (a): học phần trước; (b): học phần tiên quyết; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				14	195	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0201000275	2	30	0	
3	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0201070010	5	75	0	
4	070011	Pháp luật đại cương	0201070011	2	30	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071350	Logic học	0201071350	2	30	0	
2	071485	Tâm lý học đại cương	0201071485	2	30	0	
Học kỳ 2				8	105	30	
Học phần bắt buộc				8	105	30	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201070002	3	45	0	070010(a)
3	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201070018	2	30	0	070010(a)
4	070022	Giáo dục quốc phòng	0201070022	8	90	30	
5	070023	Giáo dục thể chất	0201070023	5	15	90	
Học kỳ 3				15	150	150	
Học phần bắt buộc				15	150	150	
1	001208	Thực tập nhận thức tour	0201001208	2	0	60	
2	001760	Tin học văn phòng 1	0201001760	2	0	60	
3	001795	TOEIC1	0201001795	3	30	30	000048(a)
4	001801	Tổng quan du lịch	0201001801	3	45	0	
5	070021	Tiếng việt thực hành	0201070021	2	30	0	
6	070353	Quản trị học	0201070353	3	45	0	
Học kỳ 4				14	195	30	
Học phần bắt buộc				14	195	30	
1	000091	Các dân tộc Việt Nam	0201000091	3	45	0	000275(a)
2	000993	Lịch sử văn minh thế giới	0201000993	2	30	0	
3	001070	Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam	0201001070	3	45	0	
4	001796	TOEIC2	0201001796	3	30	30	001795(a)
5	072097	Lịch sử văn hóa Việt Nam	0201072097	3	45	0	
Học kỳ 5				16	225	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	000842	Kinh tế Việt Nam	0201000842	2	30	0	
2	001049	Marketing du lịch	0201001049	3	45	0	
3	001303	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	0201001303	3	45	0	
4	001485	Tâm lý khách du lịch	0201001485	2	30	0	

5	072098	Kỹ năng hoạt náo	0201072098	2	15	30	
Học phần tự chọn				4	60	0	
1	000398	Địa lý du lịch Việt Nam	0201000398	2	30	0	
2	072099	Tâm lý học quản lý	0201072099	2	30	0	
3	072106	Thanh toán quốc tế phi mậu dịch	0201072106	2	30	0	
Học kỳ 6				14	135	150	
Học phần bắt buộc				14	135	150	
1	000024	Anh văn chuyên ngành 1	0201000024	4	30	60	
2	001609	Thiết kế và điều hành tour	0201001609	3	45	0	
3	001842	Tuyến điểm du lịch	0201001842	4	60	0	
4	001843	Thực tập tuyến điểm du lịch	0201001843	3	0	90	
Học kỳ 7				14	120	180	
Học phần bắt buộc				14	120	180	
1	000025	Anh văn chuyên ngành 2	0201000025	4	30	60	000024(a)
2	001003	Luật du lịch	0201001003	2	30	0	
3	001134	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	0201001134	3	45	0	
4	001135	Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	0201001135	3	0	90	
5	001958	Y tế - Bảo hiểm trong du lịch	0201001958	2	15	30	
Học kỳ 8				14	90	240	
Học phần bắt buộc				8	0	240	
1	072100	Thực tập cuối khóa	0201072100	3	0	90	
2	072101	Thực tập tốt nghiệp	0201072101	5	0	150	
Học phần tự chọn				6	90	0	
1	000544	Du lịch sinh thái	0201000544	2	30	0	
2	001139	Nghiệp vụ lễ tân	0201001139	2	30	0	
3	001406	Quầy rượu và dịch vụ đồ uống	0201001406	2	30	0	
4	001768	Quản trị sự kiện – Hội nghị	0201001768	2	30	0	
5	001850	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	0201001850	2	30	0	
6	072102	Văn hóa giao tiếp	0201072102	2	30	0	
Học kỳ 9				5	0	150	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				5	0	150	
1	072103	Đạo đức nghề nghiệp	0201072103	2	30	0	
2	072104	Khóa luận tốt nghiệp	0201072104	5	0	150	
3	072105	Quảng bá thương hiệu du lịch	0201072105	3	45	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương: Chương 1: Đại cương về logic học. Chương 2: Khái niệm. Chương 3: Phán đoán. Chương 4: Suy luận. Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện. Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Tâm lý học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lý và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học làm cơ sở để hiểu được:

- Nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.
- Bản chất của các quá trình tâm lý của con người như: Nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động và các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách con người.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 1 được giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng gồm 15 module của giáo trình New Cutting Edge Elementary từ bài 3 đến 12 kết hợp học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) biên soạn. Nội dung chủ yếu ôn lại và củng cố cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản đồng thời phát triển các kỹ năng tiếng Anh để chuẩn bị cho các cấp lớp cao hơn sau này.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Cao đẳng gồm 10 bài của New Cutting Edge Pre-inter kết hợp học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Ngoài ra, các kỹ năng được củng cố và nâng cao trong phần học online do TTNN biên soạn.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường. Ngoài nội dung trong sách, SV được học online với nội dung do TTNN biên soạn giúp SV củng cố và hoàn thiện các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng trong bài thi TOEIC.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Củng cố, tiếp tục và nâng cao cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC do TTNN biên soạn học online nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 195)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Kỹ năng bàn phím máy tính, Đại cương về Tin học, CNTT & TT, hệ thống tính toán số học;

Sử dụng máy tính với Hệ điều hành Windows, các phần mềm ứng dụng cơ bản Paint, Internet, MS Word, MS Excel...

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở những kiến thức nêu trên, giúp sinh viên có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản. Để hình thành kỹ năng, môn học chú trọng đến thực hành bằng việc làm bài tập trên lớp và ở nhà. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phiên âm và viết hoa tiếng nước ngoài, cách sửa lỗi về dùng từ, các kỹ năng về sử dụng câu, trình bày một văn bản khoa học,...

Thực tập nhận thức tour : 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nhằm tạo cho sinh viên cọ sát được kinh nghiệm làm việc thực tế trước khi ra trường sẽ tự tin và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của bản thân. Đó là một điều rất hợp lý và cần thiết. Bởi vì thực tập tại các khách sạn – nhà hàng sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc trực tiếp nhiều với nghề nghiệp, ngành học của mình để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ tránh bỏ ngỡ khi xin việc làm sau khi ra trường.

Quản trị học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học như: bản chất và khoa học của quản trị, sự phát triển các lý thuyết khoa học quản trị, các yếu tố môi trường tác động đến quản trị, quyết định trong quản trị, hoạch định trong quản trị, tổ chức trong quản trị, quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế toàn cầu, người lãnh đạo và hành vi của lãnh đạo, động lực và hành vi giữa các cá nhân, nhóm, quản trị trong nền kinh tế toàn cầu, kiểm tra, kiểm soát trong quản trị.

Tổng quan du lịch: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của TQDL. Các khái niệm cơ bản về du lịch. Loại hình du lịch và sản phẩm du lịch. Động cơ du lịch và điều kiện phát triển du lịch. Tính thời vụ trong hoạt động du lịch. Tác động của du lịch đến các lĩnh vực kinh tế ; văn hóa – xã hội ; môi trường và chính trị. Tổng quan về kinh doanh du lịch. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Tổ chức quản lý du lịch. Phát triển du lịch bền vững. Quá trình hình thành và phát triển du lịch.

Các dân tộc Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cơ sở văn hóa Việt Nam)

Nội dung: Trang bị những kiến thức tổng quan về các tộc người ở Việt Nam trên các phương diện địa lý, dân cư, lịch sử tộc người, kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống của các tộc người.

Lịch sử văn minh thế giới: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Lịch sử văn minh thế giới giới thiệu về lịch sử, văn hóa và những thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh quốc gia và khu vực trên thế giới có giá trị khai thác phục vụ hoạt động du lịch.

Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giúp sinh viên nâng cao sự hiểu biết về kiến trúc, mỹ thuật cổ của Việt nam; Hiểu giá trị các loại hình kiến trúc, mỹ thuật như nhà ở, trang trí của người Việt, Hoa, các dân tộc tây Bắc, Tây Nguyên, Người Khơme Nam Bộ; những công trình kiến trúc cổ như các loại đình, chùa, miếu, hội quán... nắm được cấu trúc của thành lũy quân sự, lăng tẩm của các vua chúa Việt Nam; hiểu đặc trưng về tự nhiên, địa hình, khí hậu, văn hóa, kinh tế, xã

hội của các các vùng ở Việt Nam ảnh hưởng đến kiến trúc và mỹ thuật... Nâng cao lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Đồng thời thông qua học phần, rèn luyện kỹ năng tác nghiệp cho sinh viên liên quan đến kiến thức cơ bản về kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam khi là một hướng dẫn viên du lịch sau này.

Lịch sử văn hóa Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sinh viên mới có thể tiến hành xây dựng những bài thuyết trình, giới thiệu cho du khách về lịch sử, những công trình và những dấu tích hiện hữu của văn hóa Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về hiện trạng và tình hình phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay cũng như xu hướng và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam trong những năm tới.

Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Phong tục và lễ hội Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phong tục và lễ hội; những phong tục và lễ hội tiêu biểu của các vùng miền trong phạm vi cả nước.

Địa lý du lịch Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Địa lý du lịch Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Địa lý du lịch, sự phân hoá lãnh thổ du lịch Việt Nam, tiềm năng du lịch của các vùng du lịch Việt Nam.

Tâm lý học quản lý: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý. Nắm vững những kiến thức về tâm lý quản lý, trên cơ sở đó từng bước vận dụng vào quản lý kinh tế và lãnh đạo.

Thanh toán quốc tế phi mậu dịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Thanh toán quốc tế phi mậu dịch là nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế và tiền tệ quốc tế. Trong đó, thanh toán quốc tế với các nội dung như: tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, các phương thức và phương tiện thanh toán áp dụng trong thương mại quốc tế mô tả vấn đề thương mại quốc tế dưới góc độ tác nghiệp cụ thể, còn tiền tệ quốc tế với nội dung như: tài trợ ngoại thương, tín dụng quốc tế giúp người học hiểu toàn diện hơn về quan hệ đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập tới các tổ chức tài chính và tiền tệ thế giới và khu vực bởi các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và định hướng các quan hệ thương mại và tiền tệ quốc tế phát triển.

Marketing du lịch: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Marketing du lịch là môn học nhằm củng cố các kiến thức marketing căn bản, trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing du lịch, những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch.

Tâm lý khách du lịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học giúp sinh viên nắm được những kỹ năng tổ chức, nghiên cứu, tham dò và đánh giá tâm lý khách du lịch một cách tốt nhất nhằm lên kế hoạch ứng xử của chủ thể nhân lực thuộc ngành cung ứng dịch vụ du lịch.

Kỹ năng hoạt náo: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học những kỹ năng hoạt náo cơ bản, tổ chức các trò chơi vận động trong quá trình hướng dẫn du lịch. Kỹ năng tổ chức sự kiện, tạo không khí vui vẻ thoải mái trong quá trình du lịch.

Anh văn chuyên ngành 1: 4 (30, 60, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Chương trình gồm 6 đơn vị bài học cung cấp các kiến thức cơ bản, cấu trúc, từ vựng liên quan đến ngành nghề du lịch. Đồng thời rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong ngành du lịch theo các chủ đề, chủ điểm liên quan đến ngành nghề như: vai trò, nhiệm vụ, công việc cụ thể của hướng dẫn viên, nhân viên tiếp tân, quản lý và phục vụ...

Thiết kế và điều hành tour: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch...; nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các Tour du lịch.

Tuyến điểm du lịch: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học giới thiệu cho sinh viên những tuyến điểm du lịch chủ yếu của quốc gia, vùng và của địa phương. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp để xây dựng các tuyến - điểm du lịch. Kết thúc học phần, sinh viên cần phải nắm vững các tiêu chí xây dựng các tuyến điểm du lịch; các kỹ năng và phương pháp cụ thể để có thể tiến hành khảo sát thực tế thành lập các tuyến du lịch phù hợp với nhu cầu của các khách hàng; nắm vững cách tiếp cận các điểm du lịch, các tuyến du lịch thông dụng của quốc gia, vùng và địa phương để có thể vận dụng trong quá trình hướng dẫn du lịch của mình.

Thực tập tuyển điểm du lịch: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp nhiều kiến thức thực tế cho sinh viên lịch sử, địa lý, văn hoá, xã hội, và môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyển-điểm và rèn luyện kỹ năng thực hành cơ bản xây dựng tuyển-điểm du lịch. Hiểu rõ hơn thế nào là điểm, thế nào là kết nối tuyển trong thực tế. Giúp sinh viên có cái nhìn thực tế về những kiến thức tại các điểm đến như lịch sử phong tục cùng các đặc điểm đến và các điểm tham quan của cộng đồng dân cư địa phương, khí hậu và tính mùa vụ ảnh hưởng đến thời gian tham quan. Nắm vững yếu tố thời tiết và khí hậu khác nhau của từng vùng như thế nào, những hoạt động du lịch liên kết với nhau trong đó có nhiều tuyến và điểm tham quan.

Anh văn chuyên ngành 2: 4 (30, 60, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn chuyên ngành 1)

Nội dung: Môn học nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên trong ngành nghề du lịch. Nội dung bài học được thiết kế dưới hình thức phối hợp 4 kỹ năng nghe- nói- đọc- viết; vốn từ chuyên ngành; các bài đọc và tình huống thực hành liên quan đến ngành du lịch nhằm giúp sinh viên rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

Luật du lịch: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và các văn bản pháp chế trong ngành du lịch của Việt Nam trong bối cảnh mở cửa và giao lưu với thế giới bên ngoài. Bên cạnh đó, môn học cũng bàn luận về nghĩa vụ và trách nhiệm của các doanh nghiệp du lịch và khách sạn - nhà hàng đối với khách, bao gồm nghĩa vụ về bảo vệ tài sản và tiếp đón khách và cuối cùng là các Luật Kinh doanh cũng sẽ được đề cập tới.

Nghệ vụ hướng dẫn du lịch: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ giao tiếp với khách du lịch, tổ chức thực hiện chương trình du lịch, xây dựng bản thuyết trình phù hợp với đối tượng tham quan, nghiệp vụ hướng dẫn và phục vụ khách du lịch. Nội dung của môn học bao gồm: vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của hướng dẫn du lịch; tổ chức quản lý hoạt động hướng dẫn viên; phương pháp xây dựng bản thuyết trình hướng dẫn du lịch phù hợp với đối tượng. Tham quan, quy trình nghiệp vụ của hướng dẫn viên, tổ chức hướng dẫn tham quan cho khách du lịch và phương pháp thuyết minh, tổng kết đánh giá sau khi kết thúc chuyến du lịch.

Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành nghiệp vụ giao tiếp với khách du lịch, tổ chức thực hiện chương trình du lịch, xây dựng và hoàn thiện bản thuyết trình phù hợp với đối tượng tham quan, nghiệp vụ hướng dẫn và phục vụ khách du lịch.

Cung cấp cho sinh viên những tình huống và cách xử lý các tình huống xảy ra trong thực tế đối với một hướng dẫn viên du lịch.

Y tế - Bảo hiểm trong du lịch: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm con người và bảo hiểm tài sản. Giúp sinh viên phân biệt các loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm thương mại, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người... giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của bảo hiểm, nguyên tắc bảo hiểm.

Du lịch sinh thái: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường và sự phát triển ngành du lịch và các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn nước và bảo vệ nguồn nước sạch; xử lý chất thải và nước thải ở các doanh nghiệp kinh doanh du lịch; các giải pháp để hạn chế gây ô nhiễm môi trường không khí; hệ thống tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong ngành du lịch.

Nghiep vụ lễ tân: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động, nghiệp vụ trong khách sạn; quy trình phục vụ, các bộ phận trong một khách sạn. Cách giải quyết những phàn nàn của khách cũng như những kỹ năng cần thiết của nhân viên bộ phận lễ tân nhà hàng – khách sạn.

Quầy rượu và dịch vụ đồ uống: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đồ uống, tổ chức và quản lý sản phẩm đồ uống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ẩm thực.

Quản trị sự kiện – Hội nghị: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu thiết kế một sự kiện - hội nghị một cách khoa học sao cho mang lại hiệu quả cao cho chủ thể của sự kiện - hội nghị; biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện; hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.

Văn hóa ẩm thực Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp đến người học hệ thống kiến thức tổng quát về văn hóa ẩm thực Việt Nam; làm rõ đặc trưng văn hóa ẩm thực ở các vùng trên lãnh thổ nước ta, hướng người học mục tiêu vận dụng những hiểu biết về văn hóa ẩm thực vào hoạt động du lịch.

Văn hóa giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn văn hóa giao tiếp sẽ giới thiệu khái quát về khoa học giao tiếp, mối quan hệ giữa giao tiếp và văn hóa, vấn đề lịch sự trong giao tiếp, đồng thời học phần cũng sẽ đi sâu vào rèn luyện 4 kỹ năng giao tiếp nhằm giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng trong cuộc sống và công việc.

Đạo đức nghề nghiệp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh những kiến thức về các quan điểm và hành vi của doanh nghiệp về đạo đức kinh doanh. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề lịch sử quan hệ giữa đạo đức và doanh nghiệp, quan điểm đạo đức kinh doanh theo các trường phái, đạo đức và việc quản lý trong doanh nghiệp và những phương thức thực hành mới để doanh nghiệp hành động có đạo đức.

Quảng bá thương hiệu du lịch: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lĩnh vực Quản trị Thương hiệu, giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và có một tầm nhìn rộng về ngành Quản trị Thương hiệu.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Trần Hồng Quỳnh

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Khắc Thuận